


2.2.02

Các loại hình thực tập	Địa điểm	Học kỳ	Số tuần	Quy ra giờ	Số giờ kết hợp lao động sản xuất theo ngành nghề	Ghi chú
Thực tập lâm sàng	BV ĐK Bắc Ninh, BV Sản-Nhi BN	III, IV, V, VI	28	1120		
Thực tập cộng đồng	Trạm y tế xã	V	3	120		
Thực tập tốt nghiệp	Các bệnh viện ĐK huyện	VI	7	280		

**V-XÉT VÀ CẤP BẰNG TỐT NGHIỆP**

Stt	Điều kiện	Thời gian (số tuần)	Ghi chú
1	Tích lũy đủ số mô-đun hoặc tín chỉ quy định cho chương trình; - Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học theo thang điểm 4 đạt từ 2,00 trở lên; - Thỏa mãn một số yêu cầu về kết quả học tập đối với nhóm môn học, mô đun thuộc ngành, nghề đào tạo và các điều kiện khác do hiệu trưởng quy định; - Không trong thời gian: bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập có thời hạn trở lên, bị truy cứu trách nhiệm hình sự; - Có đơn gửi nhà trường đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khóa học; - Trường hợp người học có hành vi vi phạm kỷ luật hoặc vi phạm pháp luật chưa ở mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự, hiệu trưởng phải tổ chức xét kỷ luật trước khi xét điều kiện công nhận tốt nghiệp cho người học đó.	4	
2	Trường hợp người học bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập có thời hạn, hết thời gian bị kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự và đã có kết luận của cơ quan có thẩm quyền nhưng không thuộc trường hợp bị xử lý kỷ luật ở mức bị buộc thôi học thì được hiệu trưởng tổ chức xét công nhận tốt nghiệp.		

Bắc Ninh, ngày 15 tháng 8 năm 2022


  
**PHÓ HIỆU TRƯỞNG**  
**TRƯỜNG**  
**CAO ĐẲNG**  
**Y TẾ**  
 Nguyễn Thị Dung

UBND TỈNH BẮC NINH  
**TRƯỜNG CĐYT**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

*Ngành đào tạo: Điều dưỡng*

*Mã ngành: 6720301*

*Trình độ đào tạo: Cao đẳng*

*Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp trung học phổ thông/trương đương*

## MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

**I. Mục tiêu chung:**  
Đào tạo Cao đẳng Điều dưỡng đa khoa đáp ứng được Chuẩn năng lực cơ bản của Điều dưỡng viên Việt Nam; có kiến thức khoa học cơ bản; có kiến thức và kỹ năng về chuyên môn nghiệp vụ ở trình độ Cao đẳng; có phẩm chất đạo đức tốt, có thái độ đúng đắn, để thực hiện chăm sóc, nuôi dưỡng, phòng bệnh, chăm sóc sức khỏe nhân dân và hành nghề đúng pháp luật; có khả năng tham gia tổ chức và quản lý các hoạt động Điều dưỡng, nghiên cứu khoa học; có khả năng làm việc trong môi trường quốc tế và tự học vươn lên.

**2. Chuẩn đầu ra:**

**CĐR 1.** Tuân thủ các quy định của pháp luật và tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp để thiết lập được môi trường làm việc an toàn, cải tiến chất lượng chăm sóc và giảm thiểu rủi ro trong môi trường chăm sóc.

**CĐR 2.** Áp dụng sự hiểu biết về khoa học cơ bản, y học cơ sở và chuyên ngành để xác định tình trạng sức khỏe và nhu cầu chăm sóc sức khỏe của các cá nhân, gia đình và cộng đồng.

**CĐR 3.** Áp dụng quy trình điều dưỡng vào chăm sóc người bệnh thông qua việc xác định nhu cầu chăm sóc, các vấn đề ưu tiên, ra quyết định chăm sóc phù hợp. Thực hiện các kỹ thuật điều dưỡng cơ bản, phục hồi chức năng đúng quy trình; đảm bảo chăm sóc liên tục, an toàn, hiệu quả, tôn trọng tính cá biệt của người bệnh.

**CĐR 4.** Nhận định đúng, kịp thời để thực hiện được sơ cứu, cấp cứu hiệu quả khi có tình huống cấp cứu tại cơ sở y tế và cộng đồng.

**CĐR 5.** Hợp tác với các thành viên trong nhóm, sử dụng được các kỹ năng giao tiếp, cá phương tiện truyền thông phù hợp để thiết lập mối quan hệ, giao tiếp có hiệu quả, cung cấp các thông tin về sức khỏe; giáo dục sức khỏe cho người bệnh, gia đình và cộng đồng.

**CĐR 6.** Tham gia quản lý công tác chăm sóc người bệnh, quản lý hồ sơ bệnh án, môi trường chăm sóc, thiết bị y tế và các nguồn lực khác để chăm sóc người bệnh an toàn, chất lượng, hiệu quả và hài lòng.

**CĐR 7.** Tham gia nghiên cứu khoa học, thực hành dựa vào bằng chứng, áp dụng cải tiến chất lượng trong chăm sóc người bệnh.

**CĐR 8.** Thể hiện/Chứng minh được tính tích cực học tập, cập nhật thông tin nhằm duy trì và phát triển chuyên môn cho bản thân và đồng nghiệp trên cơ sở có tư duy phản biện/phê phán.

**Khóa học: 2022 - 2025 (Lớp CĐDD5A0)**

**Thời gian khóa học: 3 năm (từ tháng 9/2022 đến tháng 9/2025)**

**Thời gian học tập: 129 tuần, trong đó thời gian ôn, kiểm tra hết môn học, thời gian xét và cấp bằng tốt nghiệp: 20 tuần.**

**Thời gian khai, bẻ giảng, nghỉ lễ, nghỉ hè và dự phòng: 27 tuần**

**Quyết định phê duyệt chương trình: Quyết định số 126/QĐ-CĐYT ngày 08/4/2021 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Bắc Ninh**

I-BẢNG PHÂN PHỐI SỐ GIỜ HỌC

Stt	Các môn học	Tín chỉ	Tổng số giờ	Lý thuyết (giờ)	Thực hành (giờ)	Thực tập (giờ)	Kiểm tra (giờ)	Chia theo năm học sinh							
								Năm thứ nhất		Năm thứ hai		Năm thứ ba			
								Học kỳ I	Học kỳ II	Học kỳ III	Học kỳ IV	Học kỳ V	Học kỳ VI		
1	Chính trị	4	75	41	29		5	75							
2	GDTC	2	60	5	51		4	60							
3	Tin học	3	75	15	58		2	75							
4	Pháp luật	2	30	18	10		2	30							
5	TACB	5	120	42	72		6	120							
6	GDQP-AN	3	75	36	35		4		75						
7	Ngoại ngữ chuyên ngành	2	30	29	0		1		30						
8	Cấu tạo và chức năng của cơ thể 1	2	48	16	31		1		48						
9	Cấu tạo và chức năng cơ thể người 2	2	35	30	4		1		35						
10	Sự hình thành bệnh tật và quá trình phục hồi	2	32	31	0		1		32						
11	Giao tiếp trong thực hành ĐD	2	48	16	30		2			48					
12	Điều dưỡng cơ sở I	3	88	36	47		5		88						
13	Tâm lý người bệnh - Y đức	2	31	30	0		1		31						
14	Điều dưỡng cơ sở II	3	100	21	71		8			100					
15	Thực tập điều dưỡng cơ sở	3	135	0		133	2				135				
16	Chăm sóc sức khỏe người lớn 1	3	51	44	5		2			51					
17	Chăm sóc sức khỏe người lớn 2	3	48	42	4		2			48					
18	Môi trường và sức khỏe	2	31	30	0		1			31					
19	Chăm sóc sức khỏe người lớn 3	3	45	43	0		2				45				
20	Thực tập CSSK người lớn Nội khoa	3	135	0		133	2					135			
21	Thực tập CSSK người lớn Ngoại-T.nhiễm	3	135	0		133	2						135		
22	Chăm sóc sức khỏe trẻ em	2	32	31	0		1						32		
23	Thực tập CSSK trẻ em	3	135	0		133	2							135	
24	Tổ chức và QL y tế - pháp luật y tế	2	32	31	0		1							32	
25	Chăm sóc sức khỏe lão khoa	2	31	30	0		1								31
26	Chăm sóc SK phụ nữ-BM và gia đình	2	32	31	0		1								32
27	Thực tập chăm sóc sức khỏe phụ nữ	3	135	0		133	2								135

28	Chăm sóc NB chuyên khoa hệ Nội	2	32	31	0		1								32	
29	Chăm sóc NB chuyên khoa hệ Ngoại	2	33	28	4		1								33	
30	Điều dưỡng cộng đồng	3	136	15	0	120	1								136	
31	Thông kê y học - Quản lý - Nghiên cứu khoa học điều dưỡng	2	39	30	8		1								39	
32	Thực tập tốt nghiệp	5	280			272	8									280
<b>Môn học, mô đun tự chọn</b>																
<i>Tự chọn 1</i>																
33	Lý thuyết tự chọn 1	2	31	30	0		1									31
34	Lâm sàng tự chọn 1	3	135	0		133	2									135
<i>Tự chọn 2</i>																
35	Lý thuyết tự chọn 2	2	31	30	0		1									31
36	Lâm sàng tự chọn 2	3	135	0		133	2									135
<b>Tổng số</b>		<b>95</b>	<b>2676</b>	<b>812</b>	<b>459</b>	<b>1323</b>	<b>82</b>	<b>360</b>	<b>339</b>	<b>413</b>	<b>514</b>	<b>438</b>	<b>612</b>			

II- LỊCH HỌC TOÀN KHÓA

Tháng	8	9		10		11		12		1		2		3		4		5		6		7		8							
Tuần	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31
Năm I			G	D							*	T	T	H	H	O	O		X	X											
Năm II											*	T	T	H	H	O	O														
Năm III											*	T	T	H	H	O	O														
Năm IV	H	H	T	N	T	N	T	N	T	N	Ra trường																				

G D GDC D X GD QP Học LT & TH \* Dự trữ T T hi H Học lại và thi lại O O Nghi - Thực tập T Xét TN

III-PHÂN PHỐI THỜI GIAN TOÀN KHÓA (THEO TUẦN)

Năm học	Lý thuyết và thực hành môn học	Các loại hình TT		Thi		Nghỉ		Học GD công dân	Dự trữ	Học lại và thi lại	Tổng số	Ghi chú
		TN	Khác	Học kỳ	Tốt nghiệp	Hè	Tết					
I	27			5		5	2	1	2	4	46	
II	17		16	6		5	2		2	4	52	
III	13	7	15	5		5	2		2	3	52	
IV					4					2	6	
Tổng số tuần	57	7	31	16	4	15	6	1	6	13	156	

IV-THỰC TẬP